

Số: *2861*/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *28* tháng *11* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Phát triển quỹ đất dân cư thôn Khe Hả, xã Tân Thịnh,
huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 09 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về công
tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;*

*Xét Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường số
362/BC-HĐTĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng thẩm định;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Phát triển
quỹ đất dân cư tại thôn Khe Hả, xã Tân Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đã
được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 67/CV-BQL 11 tháng 11 năm
2022 của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
565/TTr-STNMT ngày 25 tháng 11 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Phát triển quỹ đất dân cư tại thôn Khe Hả, xã Tân Thịnh, huyện Văn Chấn,
tỉnh Yên Bái (sau đây viết tắt là Dự án) của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng
huyện Văn Chấn (sau đây viết tắt là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo
vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Thịnh, huyện Văn Chấn; Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Trung tâm Điều hành thông minh;
- Lưu: VT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước



PHỤ LỤC:

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT DÂN CƯ THÔN KHE HẢ, XÃ TÂN THỊNH, HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

Kiểm theo Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Phát triển quỹ đất dân cư thôn Khe Hả, xã Tân Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Địa điểm thực hiện: Thôn Khe Hả, xã Tân Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn.

1.2. Phạm vi, quy mô của dự án

1.2.1. Phạm vi của dự án

Dự án được thực hiện trên diện tích 6.650 m² tại thôn Khe Hả, xã Tân Thịnh, huyện Văn Chấn. Vị trí, tọa độ các điểm khép góc của dự án được giới hạn bởi các điểm theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45' múi chiều 3° tại bảng sau:

Bảng 1. Tọa độ khu vực thực hiện dự án

Điểm	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°)		Diện tích (m ²)
	X(m)	Y(m)	
A1	2379710,13	500815,85	6.650
A2	2379720,14	500835,69	
A3	2379749,04	500843,94	
A4	2379783,06	500828,21	
A5	2379843,56	500814,91	
A6	2379843,56	500794,92	
A7	2379856,10	500788,91	
A8	2379867,70	500811,19	
A9	2379908,08	500801,11	
A10	2379899,72	500761,03	

1.2.2. Quy mô của dự án:

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Công trình cấp IV.



... công trình kiến trúc được đầu tư đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật với tổng diện tích mặt bằng quy hoạch là 6.650 m²; bố trí quỹ đất dân cư với 30 lô đất, quy mô dân số khoảng 120 người.

Khu đất dân cư tiếp giáp với đường QL37 nên có thực hiện mở rộng nền đường theo quy hoạch xây dựng.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

- San tạo mặt bằng quỹ đất dân cư với diện tích khoảng 6.650 m², trong đó: diện tích đất dân cư 4.053,26 m² (diện tích 30 lô đất trong mặt bằng trong); đất giao thông 2.160 m²; diện tích đất khác 436,74 m² (mái taluy, đường dân sinh, mương tưới nước...).

- Khu đất dân cư tiếp giáp với đường QL37 nên chỉ thực hiện mở rộng nền đường theo quy hoạch xây dựng. Tổng chiều dài thiết kế tuyến đường khoảng 202,43 m. Thiết kế đường cấp A theo đường giao thông nông thôn TCVN 10380 - 2014, kết hợp với tiêu chuẩn TCVN 104:2007.

- Bề rộng nền đường mở rộng 12,25 m (trong đó: Bề rộng mặt đường mở rộng 2,25 m; Bề rộng vỉa hè 10 m).

- Kết cấu áo đường: Kết cấu áo đường thiết kế là kết cấu áo đường mềm. Mặt đường láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn 4,5 kg/m². Tưới nhựa dính bảm 1,0 kg/m². Cấp phối đá dăm loại I dày 15 cm. Cấp phối đá dăm loại II dày 18 cm. Đất nền đầm chặt K98.

- Hành lang đường rộng 10 m, dốc ngang hành lang là 1% hướng vào tim đường, kết cấu hành lang lát gạch Block ziczac, nền bê tông lót M150 dày 5cm; Cát đệm và chèn khe dày 2 cm; bê tông lót nền M150# dày 5cm; đất đắp nền K90. Tổng diện tích lát gạch 1.565,88 m². Hành lang đường bố trí hệ thống rãnh dọc, trồng cây xanh bóng mát.

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Rãnh thoát nước mặt đường mép trong hành lang đường dài 229,43 m (kích thước $R \times S = 0,6 \text{ m} \times 0,8 \text{ m}$). Mặt rãnh đầy tằm bản có kích thước ($D \times R \times D = 0,9 \text{ m} \times 1 \text{ m} \times 0,1 \text{ m}$).

+ Hố thu có kích thước ($R \times S = 0,6 \text{ m} \times 0,45 \text{ m}$). Rãnh thu có kích thước ($R \times S = 0,6 \text{ m} \times 0,45 \text{ m}$).

- Công trình thu gom, xử lý nước thải: Hệ thống thu gom nước thải chung của dự án sử dụng ống PVC hoặc HDPE đường kính 110 mm với tổng chiều dài 217 m. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày đêm

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Xây dựng mương tưới, tiêu nước hoàn trả cho sản xuất chiều dài L = 250 m.



Đường bê tông dân sinh đi vào cầu sắt: chiều dài $L = 22,15$ m, rộng 3 m.

Đường dân sinh (đường đất) phía Đông mặt bằng dự án (phía sau các lô) chiều dài khoảng 200 m, chiều rộng khoảng 2m

2. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích 6.539,5 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động giải phóng mặt bằng.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân xây dựng.
- Hoạt động vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ thi công xây dựng.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, có khả năng ảnh hưởng đến đời sống của người dân xung quanh và cảnh quan, môi trường, hệ thống giao thông khu vực dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu vực dự án phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt.
- Hoạt động của các phương tiện giao thông trên tuyến đường nội bộ của dự án.
- Nước mưa chảy tràn.
- Hoạt động duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng đường.
- Hoạt động thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, có khả năng ảnh hưởng đến đời sống của người dân xung quanh và cảnh quan, môi trường khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Nguồn phát sinh quy mô tính chất của nước thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng dự án



Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường với lưu lượng khoảng $1,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5 , COD), các chất dinh dưỡng (N , P), Amoni, dầu mỡ, các vi sinh vật...

- Nước thải xây dựng: Phát sinh chủ yếu từ trạm trộn bê tông, quá trình vệ sinh dụng cụ, máy móc, thiết bị thi công với lưu lượng khoảng $2,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, bùn, đất...

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh chủ yếu trên mặt bằng thi công với lưu lượng khoảng $20,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, bùn đất, cát...

- Quy mô, phạm vi tác động trong phạm vi khu vực dự án, khu vực xung quanh, suối Mỹ; thời gian tác động khoảng 04 tháng.

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư là 120 người, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này khoảng $12,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5 , COD), các chất dinh dưỡng (N , P), Amoni, dầu mỡ, các vi sinh vật...

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh trên bề mặt khu vực dự án 6.650 m^2 với lưu lượng khoảng $48,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, bùn đất, cát...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng

Nguồn phát sinh: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động đắp, san tạo mặt bằng, vận chuyển đất đá thải, vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu, phương tiện, máy móc thi công giao thông ra vào khu vực dự án, từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị của dự án... Thành phần chủ yếu là bụi, bụi PM_{10} , SO_2 , NO_x , CO , VOC , HC , H_2S ...

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải trong giai đoạn vận hành

Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông cá nhân, quá trình nấu ăn, khu vực tập trung chất thải rắn, khu xử lý nước thải... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi; các khí độc: CO , CO_2 , SO_2 , NO_x , NH_3 , CH_4 , H_2S ...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH):

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

a) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn thi công xây dựng

Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân xây dựng. Khối lượng phát sinh khoảng $16,2 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực



phần thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, chai thủy tinh, kim loại, chất hữu cơ dễ phân hủy, bao bì...

1) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn vận hành

Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân của dự án. Khối lượng phát sinh khoảng 108 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, chai thủy tinh, kim loại...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động thi công xây dựng gồm: đá, cát, gạch vỡ, vữa, vật liệu rơi vãi, vỏ bao xi măng... Khối lượng phát sinh khoảng 22,2 tấn/giai đoạn *(khoảng 04 tháng)*.

b) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường trong giai đoạn vận hành

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung với lượng phát sinh là 1,6 kg/ngày *(chu kỳ nạo vét bùn là 06 tháng/lần)*.

- Than hoạt tính từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 300 kg *(chu kỳ thay thế vật liệu là 06 tháng/lần)*.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của CTNH

a) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của CTNH trong giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thi công và quá trình thi công xây dựng. Khối lượng khoảng 80 kg/giai đoạn *(khoảng 04 tháng)*, tương đương 0,67 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: bong đèn hỏng, vỏ ác quy hỏng thải, giẻ lau dính dầu mỡ, vỏ chai đựng dầu nhớt, dầu thải...

b) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của CTNH trong giai đoạn vận hành: Phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt, kinh doanh của các hộ dân hàng ngày của người dân. Khối lượng phát sinh khoảng 0,19 tấn/năm. Thành phần chủ yếu gồm các loại pin, ác quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu mỡ thải...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu trong giai đoạn thi công xây dựng dự án bao gồm: tiếng ồn từ các phương tiện giao thông vận tải *(xe tải chuyên chở vật liệu, máy móc thi công, nguyên vật liệu xây dựng...)*; tiếng ồn từ các loại máy móc thi công *(máy đầm nén, máy xúc, xe nâng...)*; tiếng ồn từ hoạt động thi công hàn, cắt, trộn bê tông...



Nguồn phát sinh độ rung chủ yếu từ các máy móc thi công, các phương tiện vận tải trên công trường...

3.3.2. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành: Tiếng ồn, độ rung gây ra chủ yếu do các phương tiện giao thông vận tải của người dân và khách vãng lai trong khu dân cư của dự án, ngoài ra còn có một số loại phương tiện vận tải qua lại khác...

3.4. Các tác động môi trường khác và các sự cố môi trường của dự án

- Sử dụng đất lúa: Quy mô sử dụng và chuyển đổi đất lúa của dự án là 6.539,5 m², việc sử dụng đất lúa phục vụ cho dự án ảnh hưởng, tác động đến sinh kế, đời sống của các hộ dân bị chiếm dụng đất.

- Các sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn thi công và vận hành dự án: sự cố do thiên tai (mưa bão, lũ lụt); sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn lao động; sự cố đối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Chủ dự án bố trí 02 nhà vệ sinh di động (kích thước mỗi nhà vệ sinh di động là $(C \times R = 2 \text{ m} \times 1,5 \text{ m})$; dung tích bể chứa chất thải 200 lít; được làm từ vật liệu composite). Định kỳ thuê đơn vị có chức năng để hút đem đi xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải xây dựng: đào 01 rãnh thu gom nước thải rửa xe, rửa dụng cụ xây dựng ($D \times R \times S = 0,5 \text{ m} \times 0,6 \text{ m} \times 0,4 \text{ m}$), bố trí 01 hố lắng 01 ngăn được đào trên nền đất đá tự nhiên của khu vực ($D \times R \times S = 0,3 \text{ m} \times 0,3 \text{ m} \times 2 \text{ m}$). Nước thải được tái sử dụng cho việc rửa dụng cụ, máy móc thi công và phương tiện ra khỏi dự án.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh đào trần thoát nước tại các khu vực thi công, rãnh có kích thước ($D \times R \times S = 250 \text{ m} \times 0,6 \text{ m} \times 0,6 \text{ m}$); bố trí các hố ga kích thước ($D \times R \times S = 0,8 \text{ m} \times 0,8 \text{ m} \times 1,0 \text{ m}$, khoảng cách 40 m/hố). Nước mưa được thu gom và chảy xuống lưu vực suối Mỹ.

4.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: từng hộ gia đình khi đến sinh sống phải đầu tư công trình xử lý nước thải tại chỗ trước khi đầu nối vào đường ống thu gom nước thải tập trung để dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung của dự án. Hệ thống thu gom nước thải chung của dự án là đường ống PVC hoặc HDPE đường kính 110 mm với tổng chiều dài 217 m. Xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung với công suất 30 m³/ngày đêm.



Bảng 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

Thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1 Bể chứa	Kích thước: Chiều dài 3,2 m, chiều rộng 2,4 m, chiều sâu 2,5 m.	Bể	01
2 Bể lọc	Kích thước: Chiều dài 2,2 m, chiều rộng 1,2 m, chiều sâu 2,5 m.	Bể	01
3 Bể khử trùng	Kích thước: Chiều dài 2,2 m, chiều rộng 1,2 m, chiều sâu 2,5 m.	Bể	01

- Nước mưa chảy tràn:

+ Rãnh thoát nước mặt đường mép trong hành lang đường dài 229,43 m (kích thước $R \times S = 0,6 \text{ m} \times 0,8 \text{ m}$), kết cấu bê tông M150# dày 15 cm, đáy rãnh đắp cát dày 3cm. Mặt rãnh đặt tấm bản có kích thước ($D \times R \times D = 0,9 \text{ m} \times 1 \text{ m} \times 0,1 \text{ m}$), kết cấu tấm bản bê tông cốt thép M200#.

+ Hồ thu có kích thước ($R \times S = 0,6 \text{ m} \times 0,45 \text{ m}$). Rãnh thu có kích thước ($R \times S = 0,6 \text{ m} \times 0,45 \text{ m}$), kết cấu bê tông M200 dày 15 cm, tấm bản đáy rãnh kích thước ($D \times R \times D = 0,9 \text{ m} \times 0,68 \text{ m} \times 0,1 \text{ m}$). Hệ thống rãnh thoát nước được xả thải vào suối Mỹ.

4.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, lắng nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước mưa và hệ sinh thái trong khu vực dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của dự án.

- Xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom nước thải đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng, vận hành dự án và tách biệt với hệ thống thu gom thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý đảm bảo theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (Hệ số $K = 1,2$).

4.1.4. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi phát sinh do hoạt động của các xe chở vật liệu cũng như chất thải đảm bảo chở đúng tải trọng quy định; các phương tiện được đăng kiểm đảm bảo quy định được phép lưu thông và vận hành trong công trường. Trong quá trình chở vật liệu được phủ bạt kín khít, thùng xe không coi nới, để không làm rơi vãi vật liệu ra đường giao thông.

- Tưới nước giảm bụi 04 lần/ngày vào những ngày nắng tại khu vực xe vận chuyển đặc biệt là tuyến đường Quốc lộ 37 tiếp giáp dự án.



Bổ trí đội vệ sinh thực hiện quét dọn mặt bằng công trường; quét dọn khu vực Quốc lộ 37 đoạn giáp với dự án.

- Tiến hành kiểm tra thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị xây dựng hoạt động trên công trường.

- Khu vực tiếp giáp đường Quốc lộ 37: Lập hàng rào bằng tôn (*chiều cao 03 m*).

- Làm sạch phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường.

- Khí thải từ các phương tiện sử dụng nhiên liệu đốt cháy: sử dụng phương tiện đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và quy định về yêu cầu trong vận chuyển; kiểm soát chặt chẽ phương tiện thi công, khống chế phát thải của các phương tiện này theo Luật Bảo vệ môi trường; tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị xây dựng phải được kiểm định thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành

- Bụi phát sinh từ hoạt động của khu dân cư: Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo tuyến đường Quốc lộ 37 để giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án. Cây xanh trồng trên vỉa hè với khoảng cách trung bình 5 m/cây.

- Khí thải phát sinh do quá trình đun nấu của người dân sinh sống tại dự án: Khuyến khích người dân sử dụng bếp điện từ; tuyên truyền với các hộ dân sinh sống trong dự án đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

- Mùi từ trạm xử lý nước thải tập trung: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế; xây dựng trạm xử lý bảo đảm không ảnh hưởng đến chủ sử dụng đất xung quanh.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành dự án.

- Tiến hành trồng cây xanh với mật độ đảm bảo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng:

+ Gạch vỡ, cát, bê tông vỡ: Thu gom và san lấp trong phạm vi của dự án.



Đối với các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton, bao xi măng... được thu gom và bán tái chế cho đơn vị thu mua phế liệu.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 02 thùng thu gom, chứa rác sinh hoạt bằng composite, có nắp đậy có thể tích 200 lít/thùng để chứa rác tại khu công trường; phối hợp với đơn vị vệ sinh môi trường địa phương định kỳ vận chuyển và xử lý.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Các hộ gia đình sinh sống trong khu vực dự án tự thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình và chuyển giao cho đơn vị vệ sinh môi trường trên địa bàn để vận chuyển, xử lý (*đối với loại chất thải không thể tái chế*) và bán cho tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu (*đối với loại chất thải có thể tái chế*).

- Bùn dư từ trạm xử lý nước thải: Định kỳ 06 tháng/lần đơn vị quản lý vận hành thuê đơn vị có chức năng đến hút và xử lý theo quy định.

- Than hoạt tính thuê đơn vị có chức năng thay thế (*chu kỳ thay thế vật liệu là 06 tháng/lần*).

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án đảm bảo yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH trong giai đoạn thi công xây dựng

Bố trí 01 khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích khoảng 10 m²; có biển cảnh báo kho chứa CTNH; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý CTNH.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH trong giai đoạn vận hành: Các hộ gia đình thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ CTNH theo quy định; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các CTNH trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.



3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công xây dựng

Tính toán, lựa chọn các thiết bị thi công có mức ồn thấp, chọn vị trí đặt thiết bị gây ồn phù hợp sao cho giá trị mức ồn không cộng hưởng; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy đến mức thấp nhất; định kỳ bảo trì máy móc thiết bị và phương tiện thi công; công nhân thi công tại công trường phải được trang bị bảo hộ lao động; tất cả các phương tiện và máy móc phải được đăng kiểm trước khi đưa vào sử dụng; xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế hoạt động đồng thời các máy móc, thiết bị xây dựng.

4.3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành: Tuân thủ các quy định về tiếng ồn, độ rung; lập nội quy ra, vào khu vực hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn; trồng cây xanh trong khuôn viên dự án...

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do chiếm dụng đất lúa

Dự án sử dụng đất trồng lúa, Chủ dự án sẽ nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

4.4.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động: Tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng được hướng dẫn kiến thức cơ bản về các quy định an toàn và vệ sinh lao động; các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình; thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành; trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn...

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông: Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm để giảm thiểu tối đa nguy cơ tai nạn giao thông; tuân thủ luật giao thông đường bộ, kiểm soát tốc độ vận chuyển của các xe máy móc



trên công trường; đặt biển cảnh báo công trường trên đường Quốc lộ 37 đoạn ra khỏi dự án.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ: công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ; bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy cầm tay, xô, chậu để mức nước, cát...

b) Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

- Biện pháp phòng ngừa sự cố thiên tai: Các hộ gia đình phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai lũ lụt do mưa bão gây ra; tổ chức khơi thông hệ thống thoát nước trong khu vực dự án đảm bảo tiêu thoát nước.

- Ứng phó sự cố cháy, nổ: Tuyên truyền các hộ dân thiết kế hệ thống thông gió đảm bảo thông thoáng khí; tuyên truyền, hướng dẫn về cách xử lý sự cố khi rò rỉ khí gas và phổ biến cho các hộ dân sinh sống trong khu vực; khuyến khích các hộ dân lắp đặt hệ thống cảnh báo rò rỉ khí gas; lựa chọn các nhà cung cấp gas tin cậy, hướng dẫn người dân sử dụng gas an toàn.

- Ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung: Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường cống thoát nước, tránh gây tắc nghẽn, ứ đọng. Khi có sự cố xảy ra kịp thời thông tin cho chính quyền địa phương để khắc phục không để nước thải chưa xử lý chảy ra ngoài môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- Vị trí giám sát môi trường: Khu vực phía Bắc dự án; khu vực phía Nam dự án và khu vực dân cư gần dự án.

- Thông số giám sát: Bụi tổng TSP, SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

5.1.2. Giám sát khác



Giám sát chất lượng chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải, chất thải nguy hại. Giám sát thực hiện theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 29/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát gồm 01 vị trí: nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H₂S); Nitrat (NO₃⁻ tính theo N); Amoni (NH₄⁺ tính theo N); dầu mỡ động thực vật; tổng các chất hòa động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P); tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn, CTNH

- Vị trí giám sát: Khu vực phát sinh chất thải rắn, CTNH.

- Chỉ tiêu giám sát: Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

6.1. Thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung nếu chất lượng nước thải sau xử lý không đảm bảo quy chuẩn môi trường (QCVN 14:2008/BTNMT-Cột B) Chủ dự án phải thực hiện đầu tư nâng cấp công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

6.2. Các hạng mục công trình của dự án, đặc biệt là công trình bảo vệ môi trường phải được thiết kế và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

6.3. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích và thực hiện thi công theo công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

6.4. Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến chất lượng môi trường, Chủ dự án phải tổ chức kịp thời hoạt động ứng cứu,



khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho chính quyền địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chủ dự án cam kết đền bù thiệt hại, bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường khi xảy ra sự cố có liên quan đến hoạt động của dự án.

6.5. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.6. Tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên và thực hiện các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng sạt lở, sụt lún đất đá tại tuyến đường; khi phát hiện dấu hiệu có khả năng xảy ra các hiện tượng sạt lở, sụt lún đất đá phải dừng ngay các hoạt động và khẩn trương đưa người, thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

6.7. Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.8. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

6.9. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

6.10. Thực hiện nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật./.